

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẠC  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HSST  
Ngày 05 tháng 6 năm 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Đức Khoa và bà Trần Thị Bích Nguyệt.

*Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:*** Ông Kim Bách Chiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2018/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Văn L, sinh ngày 29/7/1991; sinh trú quán: Thôn 1 N, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn V và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Đặng Thị A và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

2/ Vũ Văn B, sinh ngày 19/5/1991; sinh trú quán: Thôn 5 KL, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2011/HSST ngày 16/3/2011, Vũ Văn B bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

3/ Bùi Văn TH, sinh ngày 23/5/1980; sinh trú quán: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn E và bà Nguyễn Thị F; có vợ là Kiều TB và có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2017 đến ngày 07/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt);

+ Những người bị hại:

- Anh Kim Văn P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn ĐT 3, xã ĐT, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Chị Đào TP, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Anh Nguyễn TG, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Anh Vũ VC, sinh năm 1987; Thôn CT, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Chị Đặng Thị A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn 1 N, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

- Chị Trần PT, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn KL, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Bà Vũ Thị S, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn NC 2, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

+ Người làm chứng;

- Chị Kiều TB, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền phục vụ nhu cầu tiêu sài của bản thân, trong ngày 25/12/2017 Vũ Văn L đã nhiều lần nhắn tin cho Vũ Văn B để rủ đi trộm cắp xe máy thì B đồng ý. Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 26/12/2017, L một mình điều khiển xe máy biển kiểm soát 88K8 - 9346 đến khu vực cổng chào huyện Y để đón B. Tới nơi, L chuyển xe máy cho B điều khiển còn mình ngồi phía sau. Khi đi qua cửa hàng vật liệu xây dựng của gia đình anh Kim Văn P ở thôn CT, xã B. L và B quan sát thấy có nhiều xe máy dựng trước cửa quán nên vòng xe quay lại dừng cách cửa quán khoảng 20m. Lợi dụng lúc không có người trông giữ, B ngồi trên xe máy cảnh giới còn L đi đến vị trí chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S, sơn màu đỏ, bạc, đen biển kiểm soát: 88F1 - 093.41 của anh P rồi dùng 01 chiếc Vam phá khóa hình chữ T do L chuẩn bị từ trước để phá ổ khóa điện. Thấy đèn “Mo” sáng, L ngồi lên xe nổ máy rồi điều khiển xe đi về hướng thị trấn Y, huyện Y còn B cũng điều khiển xe máy theo sau. Đến khu vực đường đôi thị trấn Y, L chuyển cho B điều khiển chiếc xe máy biển kiểm soát: 88F1 - 093.41 vừa trộm cắp được của anh P đi trước còn mình điều khiển chiếc xe máy biển kiểm soát: 88K8 - 9346 đi sau cảnh giới xem có ai đuổi theo không để ngăn cản. Khi đi đến khu vực cánh đồng sau quán Karaoke M&M thuộc thôn MĐ, xã T, L và B dừng lại dùng cờ lê tháo bỏ biển kiểm soát: 88F1 - 093.41 của chiếc xe máy vừa trộm cắp được của anh P ném xuống ruộng nước rồi điều khiển xe vào đường bê tông nội đồng ở gần đó. Do trước đó, Bùi Văn TH đã nhiều lần mua xe máy trộm cắp của L nên L điện thoại cho TH và gạ TH đến mua chiếc xe máy mà L và B vừa trộm cắp được. Sau khi nghe điện thoại của L, một lúc sau, TH điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Novo LX, gắn biển kiểm soát: 34L1 - 1987 chở vợ là chị Kiều TB tới điểm hẹn. Khi gần đến nơi, TH xuống xe đi bộ đến gặp L và B còn chị TB điều khiển xe máy về trước. Tại đây, các đối tượng đã thống nhất bán chiếc xe máy do L và B vừa trộm cắp được của anh P cho TH với giá 3.200.000 đồng. Mua bán xong, TH mang xe máy về nhà đục bỏ số khung, số máy nhằm tránh bị phát hiện để tiếp tục bán kiếm lời. Đối với số tiền có được do bán xe, L và B chia nhau tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi nhận được đơn trình báo của anh Kim Văn P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Lạc đã xác định Vũ Văn L và Vũ Văn B là người thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy của anh P rồi đem đến bán cho Bùi Văn TH nên Cơ quan điều tra đã thu giữ của TH chiếc xe máy trên cùng nhiều vật chứng khác có liên quan để điều tra xử lý.

Tại kết luận định giá tài sản số: 67/KL - ĐG ngày 27/12/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S, sơn màu đỏ, bạc, đen biển kiểm soát 88F1 - 093.41 của anh P có trị giá là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan điều tra đã xác định. Ngoài lần vụ trộm cắp tài sản ngày 26/12/2017, bằng thủ đoạn tương tự. Vũ Văn L và Vũ Văn B còn 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp xe máy khác trên địa bàn huyện Y và địa bàn huyện M, thành phố Hà Nội. Do TH hứa hẹn trước với L và B là sẽ tiêu thụ xe máy trộm cắp nên sau khi trộm cắp được tài sản, L và B đều mang đến bán cho TH. Cụ thể như sau:

+ Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/12/2017, tại đường liên xã thuộc địa phận thôn ĐT 4, xã ĐT. Vũ Văn L và Vũ Văn B đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị G ở thôn ĐT 3, xã ĐT 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S, sơn màu đỏ, đen biển kiểm soát: 88F1 - 003.80. Bên trong cốp xe máy của chị G có để 01 chiếc ví giả da, một số giấy tờ và khoảng 2.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi trộm cắp xe máy của chị G xong, L và B mang xe đến khu vực cánh đồng sau quán Karaoke M&M thuộc thôn MĐ, xã T rồi điện thoại cho Bùi Văn TH ra mua với giá 3.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp được cùng số tiền bán xe cho TH, L và B đã chia nhau tiêu sài cá nhân hết. Riêng chiếc ví giả da cùng giấy tờ có trong ví, B ném xuống ruộng nước ở gần đó.

Tại kết luận định giá tài sản số: 19/2018/KL - ĐG ngày 23/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S, sơn màu đỏ, đen biển kiểm soát: 88F1 - 003.80 L và B trộm cắp được của chị G có trị giá là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Riêng chiếc ví giả da, chị G khai đã cũ rách không còn giá trị cùng một số giấy tờ Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng nên không tiến hành định giá.

+ Vụ thứ hai: Ngay sau khi bán xong chiếc xe máy trộm cắp được của chị G, L và B tiếp tục điều khiển xe máy chở nhau đến khu vực xã B, huyện Y tiếp tục tìm tài sản để trộm cắp. Lợi dụng sơ hở, L và B đã trộm cắp của chị Đào TP ở thôn Y, xã B 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu đen, bạc biển kiểm soát: 88F1 - 046.81 rồi mang đến khu vực cánh đồng sau quán Karaoke M&M. Do có việc bận nên B về trước, còn L ở lại rồi điện thoại cho Bùi Văn TH ra mua với giá 4.800.000 đồng. Số tiền bán chiếc xe máy trên, L một mình tiêu sài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số: 21/2018/KL - ĐG ngày 23/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu đen, bạc biển kiểm soát: 88F1 - 046.81 có trị giá là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

+ Vụ thứ ba: Chiều ngày 10/12/2017, L và B điều khiển xe máy chở nhau đi quanh địa bàn huyện Yên Lạc, mục đích là để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng trên đến khu vực địa phận thôn L, xã T. L và B quan sát thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu biển kiểm soát: 88F1 - 146.46 của anh Nguyễn TG ở thôn L, xã T không có người

trông giữ nên đã trộm cắp rồi mang đến khu vực cánh đồng sau quán Karaoke M&M. Tại đây, L và B đã bán chiếc xe máy trên cho Bùi Văn TH được 3.000.000 đồng. Sau khi bán được tiền, L và B đã chia nhau tiêu sài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số: 22/2018/KL - ĐG ngày 23/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu biển kiểm soát: 88F1 - 146.46 có trị giá là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

+ Vụ thứ tư: Sáng ngày 15/12/2017, Vũ Văn L cùng với Vũ Văn B chở nhau đến khu vực địa phận xã B, huyện Y để xem có ai sơ hở trong việc quản lý tài sản rồi trộm cắp. L và B đi đến khu vực thôn CT, xã B, các đối tượng quan sát thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, Wawe RSX, sơn màu đỏ, đen biển kiểm soát 88F1 - 046.51 của anh Vũ VC ở thôn CT, xã B không có người trông giữ nên đã cùng nhau trộm cắp và đem đến cánh đồng sau quán Karaoke M&M. L điện thoại cho Bùi Văn TH ra bán được 3.000.00 đồng. Sau khi bán được tiền, L cùng B chia nhau tiêu sài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số: 20/2018/KL - ĐG ngày 23/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, Wawe RSX, sơn màu đỏ, đen biển kiểm soát: 88F1 - 046.51 có trị giá là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Vụ thứ năm: Chiều ngày 15/12/2017, Vũ Văn L cùng Vũ Văn B cùng nhau đi 01 xe máy đến địa bàn huyện M, thành phố Hà Nội để trộm cắp tài sản. L và B đi đến khu vực thôn T, xã V, huyện M, các đối tượng quan sát thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, biển kiểm soát: 88S8 - 0130 của chị Nguyễn Thị M ở thôn T, xã V không có người trông giữ nên L và B đã cùng nhau trộm cắp rồi mang đến cánh đồng sau quán Karaoke M&M. Tại đây L điện thoại cho Bùi Văn TH ra mua với giá 3.000.000 đồng. Sau khi bán tài sản, L và B chia nhau tiêu sài hết. Đối với chiếc xe máy này, do L và B thực hiện hành vi phạm tội xảy ra ngoài địa bàn huyện Yên Lạc nên Cơ quan điều tra đã tách ra giải quyết bằng một vụ án khác đồng thời bàn giao toàn bộ hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mê Linh để điều tra, xử lý theo thẩm quyền lãnh thổ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định. Trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2016, Vũ Văn L 01 mình trộm cắp được 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe sơn màu đỏ, không rõ biển kiểm soát tại khu vực giáp ranh giữa thành phố Vĩnh Yên và huyện Yên Lạc. Sau đó qua các mối quan hệ xã hội, L đã tìm gặp và bán chiếc xe máy trên cho Bùi Văn TH với giá 3.000.000 đồng. Khi L đem xe máy đến bán cho TH, TH biết rõ, L là đối tượng thường xuyên trộm cắp xe máy nên TH đã chủ động cho L số điện thoại đồng thời hứa hẹn với L lần sau nếu trộm cắp được xe thì liên hệ với TH để TH

tiêu thụ giúp. Sau khi mua được xe máy, TH mang chiếc xe máy này về tháo rời các bộ phận ra bán thanh lý. Do TH không xác định được đã bán cho những ai, vào thời gian nào, bản thân L cũng không nhớ đã trộm cắp chiếc xe trên ở đâu và vào thời gian nào. Mặt khác, vào thời gian đó không có ai trình báo về việc bị mất trộm chiếc xe máy trên. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vũ Văn L về hành vi trộm cắp tài sản lần này đồng thời xử lý Bùi Văn TH về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, lần vi phạm này Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau. Mặc dù, Bùi Văn TH không có hành vi trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản cùng với L và B nhưng do bản thân TH làm nghề mua bán sắt vụn và xe máy cũ nên khi L đem chiếc xe máy trên đến bán cho TH, TH nhận thức rõ chiếc xe máy mà L mang đến bán là xe trộm cắp nhưng vì ham rẻ nên TH đồng ý mua và dặn L sau này trộm cắp được xe thì liên lạc với TH để tiêu thụ. Vì vậy, vai trò của TH trong vụ án này được xác định là người đồng phạm giúp sức cùng với Vũ Văn L và Vũ Văn B. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, L và TH bị Cơ quan điều tra bắt giữ còn B bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 03/01/2018, B đã đến Công an huyện Yên Lạc đầu thú và khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

Đối với chị Kiều TB, quá trình điều tra đã làm rõ: Sáng ngày 26/12/2017, sau khi TH là chồng chị TB nhận được điện thoại của Vũ Văn L. TH đã bảo chị TB chở TH đến khu vực thôn MĐ, xã T và không nói rõ cho chị TB biết mục đích TH đến đó làm gì. Khi gần tới nơi, TH xuống xe đi bộ ra gặp L, B để trao đổi, mua bán còn chị TB điều khiển xe về nhà luôn. Các lần mua bán xe khác giữa các đối tượng, chị TB đều không biết và không tham gia nên Cơ quan điều tra chưa có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị TB mà chỉ tiến hành nhắc nhở, giáo dục.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 88K8 – 9346 là phương tiện L dùng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe máy trên là tài sản hợp pháp của chị Đặng Thị A là vợ của L. Khi L dùng chiếc xe máy này để đi trộm cắp tài sản, chị A không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chị A. Sau khi nhận lại tài sản, chị A không có đề nghị gì.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Novo LX gắn biển kiểm soát: 34L1 - 1987, quá trình xác minh làm rõ. Chiếc xe máy trên là tài sản hợp pháp của chị Trần PT ở thôn 4 KL, xã Hồng Châu được cấp biển kiểm soát: 88K8 - 9301 ngày 21/12/2016, chị PT bị kẻ gian trộm cắp tại nhà. Bùi Văn TH khai mua chiếc xe máy trên của 01 người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ vào khoảng tháng 7/2017 với giá 3.600.000 đồng. Do xe có giấy đăng ký nên TH giữ lại để sử dụng. Tại kết luận định giá tài sản số: 23/2018/K L – GD ngày 23/3/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc kết luận: Chiếc

xe máy biển kiểm soát: 88K8 – 9301 của chị PT có trị giá là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Quá trình điều tra đã xác định, chị Trần PT là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe máy trên nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị PT. Do chưa làm rõ được TH mua chiếc xe máy trên là của ai và mua vào thời điểm nào nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ thì xử lý sau.

Quá trình truy tìm vật chứng, Cơ quan điều tra đã xác định. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S cùng chiếc biển kiểm soát: 88F1 - 093.41 là tài sản hợp pháp của anh Kim Văn P. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S, không biển kiểm soát là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị G. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, không biển kiểm soát là tài sản hợp pháp của chị Đào TP. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn TG. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX là tài sản hợp pháp của anh Vũ VC, đều bị Vũ Văn L và Vũ Văn B trộm cắp rồi đem đến bán cho Bùi Văn TH nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp. Sau khi nhận lại tài sản các chủ sở hữu không ai có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với những chiếc xe máy Cơ quan điều tra thu giữ được tại nhà Bùi Văn TH gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX, sơn màu xanh, đen không biển kiểm soát; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, không có biển kiểm soát; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe Anpha, sơn màu đỏ không gắn biển kiểm soát; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, không biển kiểm soát, TH gửi từ trước tại nhà ông Bùi Văn E là bố đẻ của TH; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe Anpha, sơn màu xanh, không biển kiểm soát; 01 chiếc xe máy kiểu dáng xe Wawe, sơn màu đỏ, không biển kiểm soát, TH gửi từ trước tại nhà chị Bùi TT là chị gái TH cùng 24 chiếc biển kiểm soát các loại; 01 Giấy đăng ký và chìa khóa của chiếc xe máy biển kiểm soát: 34L1 – 1987. Những tài sản trên, TH khai là mua của những người đi đường không rõ tên tuổi, địa chỉ và thời điểm cụ thể. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm rõ được cho nên không có căn cứ để xác định các chủ sở hữu hợp pháp đối với những tài sản trên. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục lưu giữ tại kho vật chứng của Công an huyện để điều tra xác minh khi nào làm rõ được xử lý sau.

Đối với 38 chiếc gương chiếu hậu các loại cùng 04 chiếc bình Ấc quy đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Văn TH đều là vật chứng do TH tháo gỡ ra từ những chiếc xe máy đã mua từ trước không rõ nguồn gốc, do giá trị không lớn, bản thân TH không đề nghị được nhận lại. Ngoài ra thu giữ tại nhà TH 02 chiếc Tua vít loại 04 cạnh; 01 chiếc máy khoan điện sơn màu xanh; thu giữ trong cốp xe máy biển kiểm soát: 88K8 - 9346 của Vũ Văn L 06 chiếc Cờ lê; 02 chiếc Tua vít; 01 chiếc Mỏ lết, L và B dùng để tháo gỡ xe và trả lại số khung, số máy đối với những chiếc xe máy trộm cắp. Quá trình điều tra xác định những vật chứng

trên là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh thu giữ của Bùi Văn TH cùng 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của Vũ Văn L, trong đó 01 chiếc Nokia 1202 màu đen; 01 chiếc Iphone 5 màu trắng và 01 chiếc Iphone 6 màu đen. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của L và TH dùng làm phương tiện để liên lạc cho nhau khi thực hiện tội phạm nên tịch thu, bán phát mại để sung công quỹ Nhà nước. Riêng chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 thu của TH không liên quan đến vụ án nên trả lại cho TH nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng, chị Đặng Thị A là vợ của Vũ Văn L giao nộp, xác định là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 350.000 đồng của anh Đỗ Văn Q ở thôn 6, xã T, huyện Y giao nộp. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên là của Vũ Văn L do L bán xe máy trộm cắp trả cho anh Q khi L mang điện thoại đến sửa chữa tại quán của anh Q. Tuy nhiên, khi anh Q nhận tiền công sửa chữa điện thoại của L, anh Q không biết số tiền trên là tài sản do L trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với anh Q nên trả lại cho anh Q số tiền trên.

Đối với 01 chiếc mũ lưỡi trai nhãn hiệu Adidas màu đen; 01 chiếc áo khoác màu tím than do chị Đặng Thị A giao nộp. Quá trình điều tra xác định, là tài sản hợp pháp của Vũ Văn L do không còn giá trị sử dụng, bản thân L không đề nghị xin được nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động của Vũ Văn B dùng để liên lạc với L cùng chiếc Vam phá khóa hình chữ T dùng để trộm cắp tài sản là vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội của các đối tượng. Tuy nhiên, do L đã làm mất không xác định được ở đâu, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại bản Cáo trạng số: 29/CT - VKS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại điểm e khoản

2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc thực hành quyền công tố, tại phiên tòa đã phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”,

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Văn L từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Xử phạt bị cáo Vũ Văn B từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo L và bị cáo B được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam. Xử phạt bị cáo Bùi Văn TH từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo TH được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, bị cáo TH được trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/12/2017 đến ngày 07/02/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất quan điểm về xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không ai có ý kiến bổ sung gì khác và không ai có ý kiến gì tham gia tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Cả ba bị cáo L; B và TH đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố mà không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các vật chứng đã thu được và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày mùng 09 đến ngày 26/12/2017, các bị cáo Vũ Văn L và Vũ Văn B đã có hành vi cùng nhau sử dụng Vam phá khóa chữ T trộm cắp 05 chiếc xe

máy các loại trên địa bàn huyện Yên Lạc rồi mang đến bán cho Bùi Văn TH để lấy tiền chia nhau tiêu sài cá nhân. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/12/2017, các bị cáo L và B đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị G ở thôn DT 4, xã DT 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S, biển kiểm soát: 88F1 - 003.80 có trị giá là 8.000.000 đồng cùng 2.000.000 đồng tiền mặt của chị G cất trong cốp xe máy.

- Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực thôn Y, xã B. Các bị cáo L và B tiếp tục trộm cắp của chị Đào TP 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 88F1 – 046.81 có trị giá 23.000.000 đồng.

- Lần thứ ba: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/12/2017, các bị cáo L và B trộm cắp của anh Nguyễn TG tại khu vực thôn L, xã T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát: 88F1 - 146.46 có trị giá 12.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 15/12/2017, các bị cáo L và B trộm cắp của anh Vũ VC ở thôn CT, xã B 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, Wawe RSX, biển kiểm soát: 88F1 - 046.51 có trị giá 10.000.000 đồng.

- Lần thứ năm: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 26/12/2017, tại khu vực thôn CT, xã B. Các bị cáo L và B tiếp tục trộm cắp của anh Kim Văn P 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S, biển kiểm: 88F1 - 093.41 có trị giá 7.000.000 đồng rồi mang đi tiêu thụ. Trên đường đi tiêu thụ thì bị phát hiện và bắt giữ.

Tổng giá trị tài sản các lần mà các bị cáo L và B trộm cắp được có giá trị là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng)

Với hành vi trên của các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH đã có đủ cơ sở để khẳng định: Các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản của mình, các bị cáo L và B đã có hành vi lén lút trộm cắp xe máy của chị Nguyễn Thị G; chị Đào TP; anh Nguyễn TG; anh Vũ VC và anh Kim Văn P. Tổng giá trị các lần trộm cắp tài sản là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng). Sau khi trộm cắp được tài sản, các bị cáo L và B bán cho bị cáo TH. Mặc dù, bị cáo TH không là người trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản cùng với các bị cáo L và B như do hám rẻ nên bị cáo TH đã hứa hẹn trước với các bị cáo L và B về việc tiêu thụ tài sản trộm cắp mục đích là để bán kiếm lời. Với hành vi trên của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nên cần thiết phải xử lý các bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị

cáo gây ra như vậy mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến vai trò phạm tội của từng bị cáo; đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Cả ba bị cáo đều có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đó là phạm tội từ hai lần trở lên. Bản thân các bị cáo là người có sức khỏe, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện, đua đòi ham chơi lười lao động dẫn đến nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, bị cáo Vũ Văn L là người khởi xướng, chuẩn bị Vam phá khóa và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp rồi mang tài sản đi tiêu thụ nên L được xác định là đối tượng đầu vụ và phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc nhất. Đối với Vũ Văn B, sau khi được L rủ rê thì B rất tích cực tham gia đứng cảnh giới và được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nên vai trò của B trong vụ án này là người đồng phạm giúp sức cho bị cáo L thực hiện tội phạm. Mặc dù, bị cáo TH không có hành vi trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản cùng với các bị cáo L và B nhưng do hám rẻ nên TH đã hứa hẹn trước với L và B về việc tiêu thụ tài sản do L và B trộm cắp được, mục đích là để bán kiếm lời nên vai trò của TH ở vụ án này cũng được coi là người đồng phạm giúp sức. Trước khi phạm tội, bị cáo L và bị cáo TH là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Còn bị cáo B là người có nhân thân chưa được tốt, năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” đến nay đã được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân ngược lại còn tiếp tục phạm tội. Hành vi nêu trên của các bị cáo, chứng tỏ các bị cáo là người coi thường pháp luật, lẽ ra phải xử phạt các bị cáo ở mức án cao. Song xét thấy, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Khi bị bắt, các bị cáo đã tự thú các lần trộm cắp tài sản xảy ra trước đó, các bị cáo L và TH là người phạm tội lần đầu. Bởi bị cáo TH là người có công với cách mạng được thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất. Ngoài ra, trước ngày mở phiên tòa, gia đình bị cáo L tự nguyện nộp 10.100.000 đồng; tại phiên tòa, gia đình bị cáo B tự nguyện nộp 7.100.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc để khắc phục hậu quả cho nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với hành vi của L và B trộm cắp chiếc xe máy biển kiểm soát 88S8 – 0130 của chị Nguyễn Thị My, do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xảy ra ở ngoài địa bàn huyện Yên Lạc nên Cơ quan điều tra đã tách ra giải quyết bằng một vụ án khác đồng thời bàn giao toàn bộ hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan cảnh

sát điều tra Công an huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội để điều tra, xử lý theo thẩm quyền lãnh thổ.

Đối với hành vi trộm cắp và tiêu thụ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe sơn màu đỏ, không rõ biển kiểm soát tại khu vực giáp ranh giữa thành phố V và huyện Y của các bị cáo Vũ Văn L và Bùi Văn TH. Quá trình điều tra đã xác định: Sau khi trộm cắp được tài sản, L đã tìm gặp và bán chiếc xe máy trên cho Bùi Văn TH với giá 3.000.000 đồng. Khi L đem xe máy đến bán cho TH, TH biết rõ, L là đối tượng thường xuyên trộm cắp xe máy nên TH đã chủ động cho L số điện thoại đồng thời hứa hẹn với L lần sau nếu trộm cắp được xe thì liên hệ với TH để TH tiêu thụ giúp. Sau khi mua được xe máy, TH mang chiếc xe máy này về tháo rời các bộ phận ra bán thanh lý. Do TH không xác định được đã bán cho những ai, vào thời điểm nào, bản thân L cũng không nhớ đã trộm cắp chiếc xe máy này ở đâu và vào thời gian nào. Mặt khác, khoảng thời gian đó không có ai đến trình báo về việc bị mất trộm chiếc xe máy có đặc điểm như L và TH khai báo ở trên. Vì vậy, Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vũ Văn L về hành vi trộm cắp tài sản lần này đồng thời cũng không có cơ sở để xử lý hình sự Bùi Văn TH về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Lần vi phạm này, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với chị Kiều TB, quá trình điều tra đã làm rõ: Sáng ngày 26/12/2017, sau khi TH là chồng chị TB nhận được điện thoại của Vũ Văn L. TH đã bảo chị TB chở TH đến khu vực thôn MĐ, xã T và không nói rõ cho chị TB biết mục đích TH đến đó làm gì. Khi gần tới nơi, TH xuống xe đi bộ ra gặp L, B để trao đổi, mua bán còn chị TB điều khiển xe về nhà luôn. Các lần mua bán xe khác giữa các đối tượng, chị TB đều không biết và không tham gia nên Cơ quan điều tra chưa có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị TB mà chỉ tiến hành nhắc nhở, giáo dục.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 88K8 – 9346 là phương tiện L dùng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe máy trên là tài sản hợp pháp của chị Đặng Thị A là vợ của L. Khi L dùng chiếc xe máy này để đi trộm cắp tài sản, chị A không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chị A. Sau khi nhận lại tài sản, chị A không có đề nghị gì.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Novo LX gắn biển kiểm soát: 34L1 - 1987, quá trình xác minh làm rõ. Chiếc xe máy trên là tài sản hợp pháp của chị Trần PT ở thôn 4 KL, xã Hồng Châu được cấp biển kiểm soát: 88K8 - 9301 ngày 21/12/2016, chị PT bị kẻ gian trộm cắp tại nhà. Bùi Văn TH khai mua chiếc xe máy trên của 01 người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ vào khoảng tháng 7/2017 với giá 3.600.000 đồng. Do xe có giấy đăng ký nên TH giữ lại để

sử dụng. Tại kết luận định giá tài sản số: 23/2018/K L – GD ngày 23/3/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc kết luận: Chiếc xe máy biển kiểm soát: 88K8 – 9301 của chị PT có trị giá là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Quá trình điều tra đã xác định, chị Trần PT là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe máy trên nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị PT. Do chưa làm rõ được TH mua chiếc xe máy trên là của ai và mua vào thời điểm nào nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ thì xử lý sau.

Quá trình truy tìm vật chứng, Cơ quan điều tra đã xác định. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S cùng chiếc biển kiểm soát: 88F1 - 093.41 là tài sản hợp pháp của anh Kim Văn P. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe S, không biển kiểm soát là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị G. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, không biển kiểm soát là tài sản hợp pháp của chị Đào TP. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn TG. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX là tài sản hợp pháp của anh Vũ VC, đều bị Vũ Văn L và Vũ Văn B trộm cắp rồi đem đến bán cho Bùi Văn TH nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản các chủ sở hữu không ai có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với những chiếc xe máy Cơ quan điều tra thu giữ được tại nhà Bùi Văn TH gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX, sơn màu xanh, đen không biển kiểm soát; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, không có biển kiểm soát; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe Anpha, sơn màu đỏ không gắn biển kiểm soát; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, không biển kiểm soát, TH gửi từ trước tại nhà ông Bùi Văn E là bố đẻ của TH; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe Anpha, sơn màu xanh, không biển kiểm soát; 01 chiếc xe máy kiểu dáng xe Wawe, sơn màu đỏ, không biển kiểm soát, TH gửi từ trước tại nhà chị Bùi TT là chị gái TH cùng 24 chiếc biển kiểm soát các loại; 01 Giấy đăng ký và chìa khóa của chiếc xe máy biển kiểm soát: 34L1 – 1987. TH khai là mua của những người đi đường không rõ tên tuổi, địa chỉ và thời điểm cụ thể. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm rõ được cho nên không có căn cứ để xác định các chủ sở hữu hợp pháp đối với những tài sản trên. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục lưu giữ tại kho vật chứng của Công an huyện để điều tra xác minh khi nào làm rõ được xử lý sau.

Đối với 38 chiếc gương chiếu hậu các loại cùng 04 chiếc bình Ấc quy đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Văn TH đều là vật chứng do TH tháo gỡ ra từ những chiếc xe máy đã mua từ trước không rõ nguồn gốc, do giá trị không lớn, bản thân TH không đề nghị được nhận lại. Ngoài ra thu giữ tại nhà TH 02 chiếc Tua vít loại 04 cạnh; 01 chiếc máy khoan điện sơn màu xanh; thu giữ trong cốp xe máy biển kiểm soát: 88K8 - 9346 của Vũ Văn L 06 chiếc Cờ lê; 02 chiếc Tua

vít; 01 chiếc Mỏ lết, L và B dùng để tháo gỡ xe và trả lại số khung, số máy đối với những chiếc xe máy trộm cắp. Quá trình điều tra xác định những vật chứng trên là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh thu giữ của Bùi Văn TH cùng 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của Vũ Văn L, trong đó 01 chiếc Nokia 1202 màu đen; 01 chiếc Iphone 5 màu trắng và 01 chiếc Iphone 6 màu đen. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của L và TH dùng làm phương tiện để liên lạc cho nhau khi thực hiện tội phạm nên tịch thu, bán phát mại để sung công quỹ Nhà nước. Riêng chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 thu của TH không liên quan đến vụ án nên trả lại cho TH nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với số tiền 350.000 đồng của anh Đỗ Văn Q ở thôn 6, xã T, huyện Y giao nộp. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên là của Vũ Văn L do L bán xe máy trộm cắp trả cho anh Q khi L mang điện thoại đến sửa chữa tại quán của anh Q. Tuy nhiên, khi anh Q nhận tiền công sửa chữa điện thoại của L, anh Q không biết số tiền trên là tài sản do L trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với anh Q nên cần trả lại cho anh Q số tiền trên.

Đối với 01 chiếc mũ lưỡi trai nhãn hiệu Adidas màu đen; 01 chiếc áo khoác màu tím than do chị Đặng Thị A giao nộp. Quá trình điều tra xác định, là tài sản hợp pháp của Vũ Văn L do không còn giá trị sử dụng, bản thân L không đề nghị xin được nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động của Vũ Văn B dùng để liên lạc với L cùng chiếc Vam phá khóa hình chữ T dùng để trộm cắp tài sản là vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội của các đối tượng. Tuy nhiên, do L đã làm mất không xác định được ở đâu, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng chị Đặng Thị A là vợ của Vũ Văn L giao nộp tại Cơ quan điều tra và 17.200.000 đồng, chị Đặng Thị A và bà Vũ Thị S là cô ruột của bị cáo Vũ Văn B tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Quá trình điều tra xác định, tổng số lần các bị cáo L và B bán xe cho TH thu lời bất chính được 17.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền mặt các bị cáo đã trộm cắp được trong cốp xe máy của chị Nguyễn Thị G. Trong tổng số tiền 19.000.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có, bị cáo L và bị cáo B đã chia nhau tiêu sài hết 14.200.000 đồng còn riêng bị cáo L tiêu sài một mình số tiền 4.800.000 đồng là tiền bán xe máy trộm cắp được của chị Đào TP. Vì vậy, cần truy thu để sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền 19.000.000 đồng của các bị cáo do phạm tội. Kỷ phần của bị cáo L là 11.900.000 đồng, bị cáo B là 7.100.000 đồng. Đối trừ với số tiền gia đình các bị cáo L và B đã tự nguyện

giao nộp tại Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc nên Hội đồng xét xử xác nhận bị cáo L và bị B đã nộp đủ số tiền cần phải truy thu.

Đối với số tiền 350.000 đồng của anh Đỗ Văn Q ở thôn 6, xã T, huyện Y giao nộp. Quá trình điều tra xác định, khi Vũ Văn L mang điện thoại đến sửa chữa tại quán của anh Q, L đã lấy số tiền 350.000 đồng nằm trong tổng số tiền do bán xe máy trộm cắp mà có để trả cho anh Q tiền công sửa điện thoại cho nên Hội đồng xét xử xác định đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước. Song xét thấy, khi anh Q nhận tiền công sửa chữa điện thoại của L, anh Q không biết số tiền trên là tiền do bán tài sản trộm cắp mà có. Mặt khác, số tiền thu lời bất chính của L đã được gia đình tự nguyện khắc phục đầy đủ. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với anh Q đồng thời trả lại cho anh Q toàn bộ số tiền trên.

Đối với 01 chiếc mũ lưỡi trai nhãn hiệu Adidas màu đen; 01 chiếc áo khoác màu tím than do chị Đặng Thị A giao nộp. Quá trình điều tra xác định, là tài sản hợp pháp của Vũ Văn L do không còn giá trị sử dụng, bản thân L không đề nghị xin được nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động của Vũ Văn B dùng để liên lạc với L cùng chiếc Vam phá khóa hình chữ T dùng để trộm cắp tài sản là vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do L đã làm mất và không xác định được vị trí mất ở đâu, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở để xử lý.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản do vậy các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng, điều kiện kinh tế của các bị cáo rất khó khăn, không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định cho nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận được đầy đủ tài sản, sau khi nhận tài sản không ai có ý kiến gì đề nghị khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2]. Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc và của Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đầy đủ đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng

hành sự và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp đúng với quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); các điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm b, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt giam 29/12/2017.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn B 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt giam 20/03/2018.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn TH 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/12/2017 đến ngày 07/02/2018.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 38 chiếc gương chiếu hậu các loại cùng 04 chiếc bình Ấc quy đã qua sử dụng ; 04 chiếc Tua vít các loại; 01 chiếc máy khoan điện sơn màu xanh; 06 chiếc Cờ lê; 01 chiếc Mỏ lết; 01 chiếc mũ lưỡi trai nhãn hiệu Adidas màu đen; 01 chiếc áo khoác màu tím than vì không còn giá trị sử dụng. Tịch thu bán phát mại để sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh của Bùi Văn TH; 01 chiếc Nokia 1202 màu đen; 01 chiếc Iphone 5 màu trắng và 01 chiếc Iphone 6 màu đen của Vũ Văn L. Trả lại cho bị cáo Bùi Văn TH chiếc điện thoại di động Sam sung Galaxy J7 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 1.800.000 đồng của Vũ Văn L do chị Đặng Thị A giao nộp tại Cơ quan điều tra. Truy thu để sung công quỹ Nhà nước của Vũ Văn L số tiền 10.100.000 đồng do chị Đặng Thị A nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0001300 ngày 16/5/2018; của Vũ Văn B số tiền 7.100.000 đồng do bà Vũ Thị S nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0001308 ngày 05/6/2018. Trả lại cho anh Đỗ Văn Q số tiền 350.000 đồng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Chi cục thi hành án huyện Yên Lạc và Công an huyện Yên Lạc ngày 01/6/2018).

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Vũ Văn L; Vũ Văn B và Bùi Văn TH phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- UBND xã nơi các bị cáo đang cư trú;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THAHS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Hạnh**